

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Quốc Tiến**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Bà Danh Thị Sà Ron** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: **Không.**

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 và thông báo mở phiên tòa dân sự số 106/2020/TB-TA, ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bà Võ Thị L, sinh năm 1971 (Có mặt)**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: **Bà Trịnh Mỹ C, sinh năm 1973 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 563 đường C2, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Lê Quốc C1, sinh năm 1998 (Có mặt)**

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:**

Vào ngày 03/5/2019, do quen biết bà Trịnh Mỹ C có nhờ con tôi là Lê Quốc C1 vay số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất là 12.000.000 đồng/tháng, bà C hứa đóng lãi đầy đủ cho bên cho vay nhưng bà C không đóng lãi nên Lê Quốc C1 đóng lãi thay, khi tôi phát hiện thì bên cho vay đã lấy xe của con tôi để yêu cầu trả lãi tháng thứ hai nên tôi đã trả vốn và lãi cho con tôi. Sau đó, tôi có đến nhà bà C yêu cầu trả số tiền mà con

tôi đã vay dùm cho bà C, nhưng bà C hứa hẹn nhiều lần không trả. Đến ngày 28/6/2019, bà C làm biên nhận có mượn tôi số tiền gốc 63.000.000 đồng mà tôi đã đứng ra trả thay cho bà C và bà C hứa 7 ngày trả nhưng đến nay không trả.

Nay tôi yêu cầu bà C trả cho tôi số tiền 63.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Quốc C1 trình bày:**

Anh C1 thừa nhận vào ngày 03/5/2019 tôi có vay dùm cho bà C số tiền 63.000.000 đồng sau đó bà C không đóng lãi cũng như không trả gốc nên mẹ tôi có bỏ tiền ra trả gốc và lãi dùm, Sau đó bà C có làm biên nhận nợ mẹ tôi là bà L số tiền 63.000.000 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Mỹ C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng bà C vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Mỹ C không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Võ Thị L tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà C cố tình tránh mặt không đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Võ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Mỹ C trả cho bà L số tiền còn nợ theo biên nhận ngày 28/6/2019 là 63.000.000 đồng, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bị đơn bà Trịnh Mỹ C hiện nay đang sinh sống tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Do chỗ quen biết nên bà C có nhờ Lê Quốc C1 là con của bà L vay tiền dùm nhưng bà C không có khả năng trả nợ, đến ngày 26/8/2019, nguyên đơn bà L có đứng ra trả nợ dùm cho bị đơn bà C và bà C có làm biên nhận nợ đối với nguyên đơn bà L số tiền gốc 63.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hứa 07 ngày sau sẽ trả nhưng đến nay chưa trả số tiền nào. Nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn bà C trả

cho bà L số tiền còn nợ gốc 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa bà Võ Thị L với bà Trịnh Mỹ C được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có ký biên nhận ngày 26/8/2019 còn nợ nguyên đơn số tiền 63.000.000 đồng, nguyên đơn bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn bà C trả số tiền còn nợ nhưng bà C không trả. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà C vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng dân sự giữa bà Võ Thị L với bị đơn bà Trịnh Mỹ C là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn bà Trịnh Mỹ C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Võ Thị L số tiền 63.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 63.000.000 đồng x 5% = 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*); hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466; 468; 470 và Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Trịnh Mỹ C.

1. Buộc bà Trịnh Mỹ C trả cho bà Võ Thị L số tiền vay gốc 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí: Bà Trịnh Mỹ C phải chịu 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.575.000 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009646 ngày 14/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 08/9/2020). Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh